Chi tiết mã HS 8457.20.00

Mã HS	8457.20.00
Mô tả hàng hóa	Trung tâm gia công, máy kết cấu nguyên khối (một vị trí gia công) và máy gia công chuyển dịch đa vị trí để gia công kim loại / - Máy kết cấu nguyên khối (một vị trí gia công)
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 01:49:11
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84572000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K14091
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N14091
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q14091
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E13420
ATIGA	2022	2022	0	AT!E13361
ATIGA	2023	2023	0	AT!F13361
ATIGA	2024	2024	0	AT!G13361
ATIGA	2025	2025	0	AT!H13361
ATIGA	2026	2026	0	AT!I13361
ATIGA	2027	2027	0	AT!J13361
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E13415
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F13415
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G13415

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H13415
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I13415
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J13415
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E13416
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F13416
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G13416
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H13416
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I13416
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J13416
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F13419
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H13367
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F13375
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G13375
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H13375
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I13375
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J13375
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K13375
VKFTA	2022	2022	0	VK!E13406
VKFTA	2023	2023	0	VK!F13406
VKFTA	2024	2024	0	VK!G13406
VKFTA	2025	2025	0	VK!H13406
VKFTA	2026	2026	0	VK!I13406
VKFTA	2027	2027	0	VK!J13406
VCFTA	2022	2022	0	VC!D13455
VCFTA	2023	2023	0	VC!E13455
VCFTA	2024	2024	0	VC!F13455

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G13455
VCFTA	2026	2026	0	VC!H13455
VCFTA	2027	2027	0	VC!I13455
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D13438
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E13438
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F13438
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G13438
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H13438
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I13438
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D13438
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E13438
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F13438
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G13438
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H13438
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I13438
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D13453
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E13453
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F13453
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G13453
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H13453
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I13453
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D13452
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E13452
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F13452
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G13452
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H13452

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I13452
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D13432
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E13432
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F13432
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G13432
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H13432
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I13432
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J13432
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D13440
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E13440
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F13440
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G13440
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H13440
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I13440
RCEP B	2022	2022	0	B!D13440
RCEP B	2023	2023	0	B!E13440
RCEP B	2024	2024	0	B!F13440
RCEP B	2025	2025	0	B!G13440
RCEP B	2026	2026	0	B!H13440
RCEP B	2027	2027	0	B!I13440
RCEP C	2022	2022	0	C!D13440
RCEP C	2023	2023	0	C!E13440
RCEP C	2024	2024	0	C!F13440
RCEP C	2025	2025	0	C!G13440
RCEP C	2026	2026	0	C!H13440
RCEP C	2027	2027	0	C!I13440

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D13439
RCEP D	2023	2023	0	D!E13439
RCEP D	2024	2024	0	D!F13439
RCEP D	2025	2025	0	D!G13439
RCEP D	2026	2026	0	D!H13439
RCEP D	2027	2027	0	D!I13439
RCEP E	2022	2022	0	E!D13443
RCEP E	2023	2023	0	E!E13443
RCEP E	2024	2024	0	E!F13443
RCEP E	2025	2025	0	E!G13443
RCEP E	2026	2026	0	E!H13443
RCEP E	2027	2027	0	E!I13443
RCEP F	2022	2022	0	F!D13440
RCEP F	2023	2023	0	F!E13440
RCEP F	2024	2024	0	F!F13440
RCEP F	2025	2025	0	F!G13440
RCEP F	2026	2026	0	F!H13440
RCEP F	2027	2027	0	F!I13440
VIFTA	2024	2024	0	VI!F12469
VIFTA	2025	2025	0	VI!G12469
VIFTA	2026	2026	0	VI!H12469
VIFTA	2027	2027	0	VI!I12469

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8457.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8457.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N14091), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.